

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giằng co trong vùng 1,635 – 1,665 trước khi đóng cửa tại mốc 1,646.01 điểm, gần như không thay đổi so với phiên trước đó. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 9/18 ngành giảm điểm. Ngành Dầu khí dẫn đầu đà tăng; ở chiều ngược lại, ngành Du lịch & giải trí tiếp tục điều chỉnh sau đợt tăng mạnh trước đó. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX và bán ròng trên hai sàn còn lại. Dù đà giảm đã chứng lại phần nào trong ngày hôm nay, tuy nhiên thị trường cần thêm thời gian để ổn định và thu hẹp biên độ dao động. Trong những phiên tới, VN-Index có thể sẽ giao dịch trong vùng 1,630 – 1,665 và hình thành đáy ngắn hạn tại đây.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LẠI

Các HĐTL đều giảm, ngược chiều với nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 15/12/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-0.88** điểm, đóng cửa tại **1646.01** điểm. HNX-Index **-0.72** điểm, đóng cửa tại **249.37** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VPB (+1.88)**, **TCX (+1.72)**, **BSR (+1.16)**, **VNM (+0.93)**, **VRE (+0.84)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VPL (-2.38)**, **VHM (-1.56)**, **VIC (-1.02)**, **LPB (-0.98)**, **GEE (-0.77)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **15,894** tỷ đồng, giảm **-28.28%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 18,791 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 28.83 điểm. Thị trường có **126** mã tăng, 60 mã tham chiếu, **188** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **694.49** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **TCX (168.96 tỷ)**, **VIX (153.94 tỷ)**, **HPG (135.27 tỷ)**, **VPB (103.53 tỷ)**, **SSI (94.99 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-8.25** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.60%**. Các mã diễn biến tích cực:
BSR (+6.67%) [\(Link báo cáo\)](#)
DBC (+4.14%) [\(Link báo cáo\)](#)
VPB (+3.58%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-0.13%**. Các mã diễn biến tích cực:
VRE (+5.28%) [\(Link báo cáo\)](#)
POW (+3.90%) [\(Link báo cáo\)](#)
PC1 (+2.91%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.60%	-0.13%	-0.05%	0.15%
1 tuần	-2.07%	-1.80%	-6.14%	-5.75%
1 tháng	-2.71%	-3.44%	0.65%	-0.09%
3 tháng	-7.79%	-9.53%	-2.08%	-0.30%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,646.01	249.37	118.55
% 1D	-0.05%	-0.29%	-0.60%
GTKL (tỷ VND)	15,894	1,244	350
%1D	-28.28%	-23.56%	-55.77%
GDNN (tỷ VND)	694.49	-8.25	-24.09

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
TCX	168.96	VIC	-246.75
VIX	153.94	MBB	-88.96
HPG	135.27	MSN	-75.06
VPB	103.53	MWG	-73.12
SSI	94.99	VCB	-56.77

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

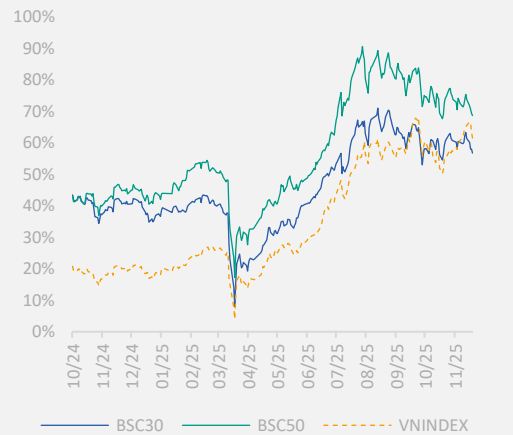
		%D	%W
SPX	6,827	-1.07%	-0.63%
FTSE100	9,712	0.65%	0.69%
Eurostoxx	5,749	-0.47%	0.27%
Shanghai	3,868	-0.55%	-1.43%
Nikkei	50,168	-1.31%	-0.74%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	61.28	0.27%
Giá vàng	4,347	1.09%
Tỷ giá		
USD/VND	26,401	-0.02%
EUR/VND	31,647	-0.05%
JPY/VND	173	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.1%	0.01%
LS LNH 1M	6.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

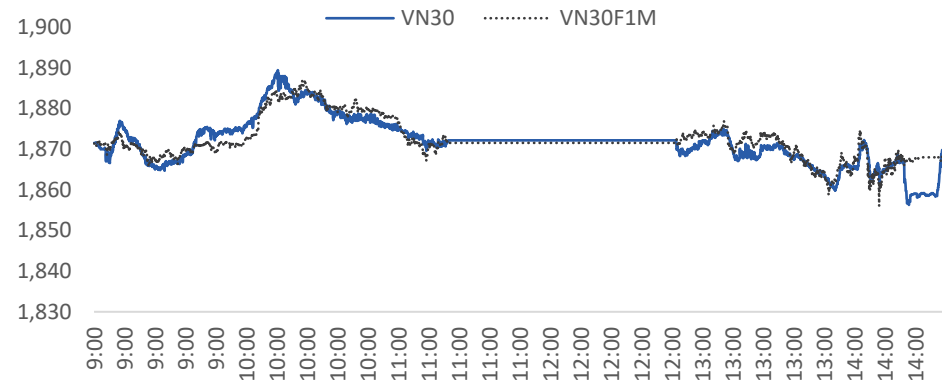
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1G1000	1867.00	-0.16%	4,001	132.5%	15/01/2026	31
41I1G6000	1858.40	-0.62%	99	147.5%	18/06/2026	185
VN30F2512	1868.50	-0.13%	293,777	-5.1%	18/12/2025	3
41I1G3000	1863.10	-0.47%	114	-7.32%	19/03/2026	94

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 +2.81 điểm, đóng cửa tại 1869.84 điểm. Biên độ dao động 29.61 điểm. Các cổ phiếu như VPB, VNM, VRE, HPG, STB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- Sắc xanh lan tỏa trong rõ cổ phiếu VN30. Thanh khoản thị trường nằm dưới đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên. Chiến lược là long/short linh hoạt.
- Các HĐTL đều giảm, ngược chiều với nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2512, 41I1G3000.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CTPB2507	24/02/2026	71	4,000	33.04%	20.97	410	32.3%	0.04	21.75	16.35	16.35
CVRE2523	25/03/2026	100	35,200	31.35%	35.00	740	32.1%	0.15	37.96	28.90	28.90
CVPB2524	25/06/2026	192	100	66.22%	43.11	650	30.0%	0.04	45.71	27.50	27.50
CVNM2503	26/03/2026	101	281,900	11.49%	63.21	1,290	29.0%	0.61	69.12	62.00	62.00
CVHM2518	4/05/2026	140	100	21.73%	91.00	2,700	25.6%	1.16	112.60	92.50	92.50
CHPG2516	23/02/2026	70	104,800	12.65%	27.57	600	25.0%	0.33	29.57	26.25	26.25
CVNM2510	12/01/2026	28	105,000	1.56%	56.32	900	25.0%	0.81	62.97	62.00	62.00
CVNM2519	4/05/2026	140	231,900	14.41%	65.96	520	23.8%	0.25	70.93	62.00	62.00
CVIB2511	24/02/2026	71	18,300	29.21%	21.00	580	23.4%	0.06	22.16	17.15	17.15
CSTB2520	23/03/2026	98	19,500	8.97%	48.00	1,000	16.3%	1.15	51.00	46.80	46.80
CACB2502	26/03/2026	101	37,100	10.78%	23.40	1,610	15.8%	0.94	26.09	23.55	23.55
CMWG2520	23/02/2026	70	564,300	11.97%	77.88	1,850	15.6%	1.01	87.00	77.70	77.70
CVHM2516	23/06/2026	190	33,200	25.32%	79.00	9,230	15.1%	4.53	115.92	92.50	92.50
CVRE2516	23/06/2026	190	192,400	10.52%	26.00	2,970	14.2%	2.50	31.94	28.90	28.90
CVNM2515	23/06/2026	190	581,200	8.18%	57.36	2,540	13.9%	1.99	67.07	62.00	62.00
CHPG2506	9/01/2026	25	12,000	3.93%	23.15	1,240	13.8%	0.97	27.28	26.25	26.25
CVRE2512	20/05/2026	156	102,600	4.84%	23.50	3,400	13.7%	3.23	30.30	28.90	28.90
CHPG2505	26/03/2026	101	74,300	9.95%	24.98	2,330	13.1%	1.63	28.86	26.25	26.25
CVRE2511	13/04/2026	119	99,200	3.18%	21.50	4,160	11.2%	3.95	29.82	28.90	28.90
CVNM2521	25/06/2026	192	4,100	25.51%	67.30	1,100	11.1%	0.28	77.82	62.00	62.00

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- ***: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 15/12/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
 - CTPB2507 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 32.26%. CSTB2528 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.74%.
 - CVHM2521, CVRE2526, CVRE2525, CVHM2524, CVHM2523 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2508, CVIC2511, CVIC2513, CVIC2514 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPB	27.50	3.58%	1.88	7.93
TCX	46.75	6.61%	1.72	2.31
BSR	14.40	6.67%	1.16	5.01
VNM	62.00	2.99%	0.93	2.09
VRE	28.90	5.28%	0.84	2.27

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DTK	12.30	6.03%	0.30	0.68
PVS	31.00	2.65%	0.23	0.48
NVB	13.40	0.75%	0.11	1.92
IDC	36.10	1.40%	0.11	0.38
HHC	115.00	9.11%	0.10	0.02

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
C32	27.55	6.99%	0.01	0.45
QCG	18.80	6.82%	0.08	1.84
STG	33.70	6.81%	0.05	0.00
VDP	50.20	6.81%	0.02	0.06
VNG	7.60	6.74%	0.01	0.02

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VC6	26.20	9.17%	0.10	0.00
PTX	22.70	9.13%	0.05	0.00
HHC	115.00	9.11%	0.66	0.00
VSM	15.80	8.97%	0.03	0.00
ONE	6.30	8.62%	0.02	0.10

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPL	78.80	-6.97%	-2.38	1.79
VHM	92.50	-1.70%	-1.56	4.11
VIC	142.90	-0.76%	-1.02	3.88
LPB	42.80	-3.17%	-0.98	2.99
GEE	170.80	-5.11%	-0.77	0.37

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	106.80	-5.49%	-0.69	0.20
CEO	20.90	-5.43%	-0.38	0.57
PVI	86.70	-2.58%	-0.31	0.23
NTP	63.30	-2.62%	-0.17	0.17
HUT	15.30	-1.29%	-0.12	1.07

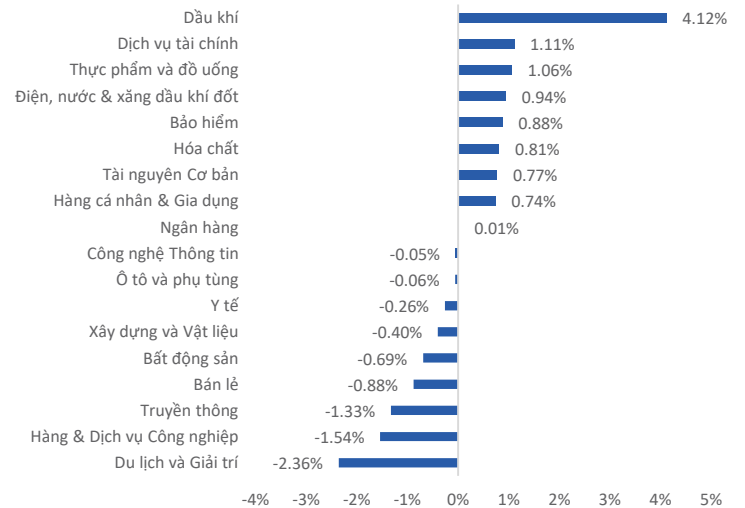
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BBC	67.80	-7.00%	-0.02	0.00
HALCOM	7.87	-6.97%	-0.01	0.21
VPL	78.80	-6.97%	-2.21	1.45
HII	6.44	-6.94%	-0.01	0.98
SVI	33.60	-6.93%	-0.01	0.00

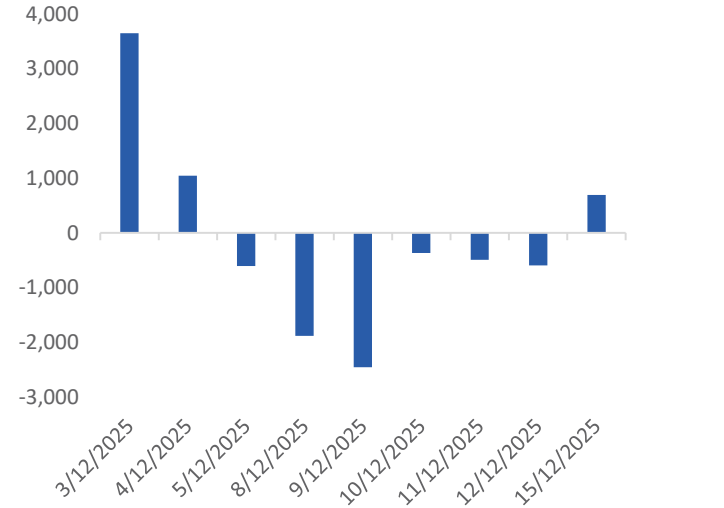
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VTC	17.90	-9.60%	-0.03	0.00
GLT	19.50	-8.88%	-0.06	0.00
KSD	4.30	-8.51%	-0.02	0.00
ICG	16.00	-8.05%	-0.09	0.00
HDA	6.00	-6.25%	-0.04	0.01

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	77.7	-1.0%	1.2	114,099	599.6	3,956	19.6	100,800	46.5%	Link
KBC	Bất động sản	33.1	2.3%	1.3	31,172	113.2	1,872	17.7	46,000	10.1%	Link
KDH	Bất động sản	29.6	-3.0%	1.1	33,218	261.4	857	34.5	39,900	27.5%	Link
PDR	Bất động sản	19.0	-3.6%	1.4	18,616	229.8	211	90.1	28,200	8.6%	Link
VHM	Bất động sản	92.5	-1.7%	1.4	379,936	506.0	6,133	15.1	119,600	8.8%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	93.8	0.1%	0.8	159,789	332.9	5,280	17.8	118,700	39.1%	Link
BSR	Dầu khí	14.4	6.7%	0.0	72,105	162.1	413		23,200	0.4%	Link
PVS	Dầu khí	31.0	2.7%	1.4	15,854	87.2	2,841	10.9	42,800	13.2%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	22.7	1.3%	1.2	24,461	181.4	1,368	16.6		34.3%	
SSI	Dịch vụ tài chính	28.4	1.1%	1.1	70,747	582.4	1,874	15.2		32.0%	
VCI	Dịch vụ tài chính	33.4	2.0%	1.0	24,099	440.9	1,589	21.0		14.8%	
DCM	Hóa chất	32.1	-0.3%	1.3	16,994	33.9	3,578	9.0	47,300	3.6%	Link
DGC	Hóa chất	93.0	1.1%	1.1	35,319	83.7	8,296	11.2	109,300	10.6%	Link
ACB	Ngân hàng	23.6	0.2%	0.9	120,968	267.3	3,385	7.0	28,400	28.8%	Link
BID	Ngân hàng	37.0	0.0%	0.9	259,790	46.1	3,781	9.8	49,500	17.1%	Link
CTG	Ngân hàng	49.7	0.4%	1.0	266,889	319.9	6,208	8.0	53,500	25.6%	Link
HDB	Ngân hàng	30.0	-0.7%	1.2	115,782	482.2	3,642	8.2	34,400	23.6%	Link
MBB	Ngân hàng	23.8	-1.0%	1.0	191,306	386.1	3,017	7.9	29,300	21.1%	Link
MSB	Ngân hàng	12.3	-1.2%	1.1	38,220	72.0	1,729	7.1	14,000	29.3%	Link
STB	Ngân hàng	46.8	1.7%	0.8	88,228	282.5	6,519	7.2		14.4%	
TCB	Ngân hàng	32.0	0.0%	1.1	226,760	1024.6	3,111	10.3	41,100	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	16.4	0.0%	1.1	45,356	120.2	2,358	6.9	-	24.6%	Link
VCB	Ngân hàng	56.8	0.0%	0.6	474,602	214.1	4,202	13.5	73,200	21.2%	Link
VIB	Ngân hàng	17.2	-0.9%	0.9	58,379	123.3	2,225	7.7	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	27.5	3.6%	1.2	218,183	622.1	2,603	10.6	35,650	24.4%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.3	1.0%	0.9	201,481	686.4	1,876	14.0	33,170	19.7%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	15.4	0.0%	1.0	9,563	51.2	1,178	13.1	19,800	4.5%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	27.7	4.1%	1.1	10,661	203.8	4,150	6.7	28,800	2.0%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	73.5	0.0%	1.1	106,275	308.9	2,196	33.5	98,300	22.8%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	62.0	3.0%	0.6	129,577	265.1	4,160	14.9	64,500	50.5%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	38.4	-2.04%	1.2	8,493	50.1	2,411	15.9	23.0%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	140.1	0.07%	1.0	23,859	63.6	3,620	38.7	32.1%	24.8%	Link
BVH	Bảo hiểm	52.7	1.35%	1.2	39,120	15.9	3,578	14.7	26.8%	11.3%	
DIG	Bất động sản	17.5	-3.32%	1.1	13,898	264.9	506	34.5	3.9%	4.4%	
DXG	Bất động sản	16.3	-2.69%	1.2	18,132	224.1	400	40.8	19.0%	3.2%	Link
HDC	Bất động sản	23.9	-0.62%	1.0	4,764	52.0	3,057	7.8	2.8%	25.2%	
HDG	Bất động sản	28.1	0.00%	1.5	10,396	52.3	938	30.0	20.7%	5.5%	Link
IDC	Bất động sản	36.1	1.40%	1.3	13,700	38.8	4,849	7.5	11.2%	31.5%	Link
NLG	Bất động sản	31.2	-5.17%	1.2	15,138	85.1	2,132	14.6	45.2%	8.8%	Link
SIP	Bất động sản	52.1	-1.70%	1.2	12,614	14.4	5,474	9.5	3.1%	28.2%	
SZC	Bất động sản	29.2	0.69%	1.1	5,256	5.8	1,763	16.6	2.5%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	18.0	-3.49%	1.5	16,372	97.8	801	22.4	12.5%	5.7%	Link
VIC	Bất động sản	142.9	-0.76%	1.3	1,101,192	1446.2	1,147	124.6	3.5%	6.2%	Link
VRE	Bất động sản	28.9	5.28%	1.4	65,670	338.3	2,144	13.5	13.6%	11.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	35.1	-1.96%	1.1	7,432	10.1	1,833	19.2	38.2%	13.1%	Link
PLX	Dầu khí	33.9	0.59%	0.8	43,073	21.2	2,090	16.2	14.7%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	24.2	2.54%	1.1	13,452	140.3	1,602	15.1	8.8%	5.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	31.8	-0.62%	1.2	11,019	20.3	1,262	25.2	24.8%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	26.4	0.38%	1.8	17,390	78.2	1,669	15.8	4.4%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	62.1	1.31%	0.8	149,844	38.6	5,014	12.4	1.8%	18.9%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.0	3.90%	0.9	36,814	61.4	682	17.6	4.2%	5.8%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	62.3	0.00%	0.6	33,745	33.5	4,776	13.0	49.0%	13.2%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	186.0	0.54%	0.5	110,040	260.6	2,897	64.2	7.2%	7.8%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	38.1	-2.44%	0.9	34,336	267.0	2,313	16.5	7.4%	14.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	58.5	1.92%	0.9	24,950	87.5	3,499	16.7	42.5%	11.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	56.4	0.71%	0.6	9,524	63.3	6,185	9.1	7.0%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	17.9	2.59%	0.9	8,388	61.3	2,090	8.5	9.4%	12.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	98.4	1.65%	0.0	11,983	23.3	3,139	31.4	4.7%	23.0%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	90.9	1.22%	0.8	31,010	50.9	6,915	13.2	48.9%	20.0%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	26.6	-0.19%	0.9	2,975	23.8	2,535	10.5	48.4%	12.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	17.9	-0.56%	1.4	2,304	9.2	2,865	6.3	16.6%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	22.0	-0.23%	1.1	14,924	58.6	1,212	18.1	3.5%	7.4%	Link
GVR	Hóa chất	25.6	1.19%	1.7	102,400	48.1	1,569	16.3	0.4%	11.3%	
EIB	Ngân hàng	20.2	-2.66%	1.0	37,534	140.4	1,635	12.3	2.8%	11.8%	Link
LPB	Ngân hàng	42.8	-3.17%	0.8	127,856	62.2	3,469	12.3	0.9%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.1	0.00%	0.0	24,191	64.7	2,337	6.0	1.6%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	11.8	-1.26%	1.0	31,291	17.9	1,460	8.1	19.6%	12.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	14.6	0.00%	0.9	6,535	53.8	571	25.6	4.8%	3.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	26.6	-0.56%	1.2	7,069	28.9	2,829	9.4	4.1%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	35.5	1.57%	0.6	10,793	134.2	1,715	20.7	3.1%	12.8%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	50.5	1.00%	0.8	64,769	83.4	3,373	15.0	58.6%	18.9%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	54.8	-0.36%	1.0	12,300	31.2	6,944	7.9	19.6%	17.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	175.3	-0.40%	0.1	14,350	72.5	14,639	12.0	85.1%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	78.8	-1.50%	1.1	7,993	35.6	6,560	12.0	49.0%	7.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	83.0	0.24%	1.1	9,494	21.4	5,128	16.2	5.0%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	41.0	-0.49%	1.1	4,133	16.6	3,037	13.5	5.6%	15.0%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	13.5	-1.46%	1.2	6,715	73.9	1,106	12.2	9.6%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	21.2	2.91%	1.0	8,719	69.7	1,377	15.4	12.1%	10.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	22.9	-0.87%	0.9	14,804	73.6	6,148	3.7	4.6%	44.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	40.1	-1.23%	1.2	17,979	21.2	3,090	13.0	2.6%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
2	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
3	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
4	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
5	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
7	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
10	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
14	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
15	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
16	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
17	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>